

**DANH MỤC CỔ PHIẾU KÝ QUỸ (MARGIN)**

Ngày hiệu lực: 04/10/2019

STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
1	AAA	50%	HSX
2	ABT	50%	HSX
3	ACC	40%	HSX
4	ACL	30%	HSX
5	ADS	45%	HSX
6	AGM	30%	HSX
7	ANV	40%	HSX
8	APG	30%	HSX
9	ASM	40%	HSX
10	ASP	35%	HSX
11	BBC	40%	HSX
12	BCE	40%	HSX
13	BFC	50%	HSX
14	BIC	45%	HSX
15	BID	50%	HSX
16	BMC	35%	HSX
17	BMI	40%	HSX
18	BMP	50%	HSX
19	BRC	35%	HSX
20	BSI	50%	HSX
21	BTT	40%	HSX
22	BVH	50%	HSX
23	BWE	30%	HSX
24	C32	50%	HSX
25	CAV	45%	HSX
26	CCI	30%	HSX
27	CCL	40%	HSX
28	CDC	30%	HSX
29	CII	50%	HSX
30	CLC	40%	HSX
31	CLL	50%	HSX
32	CMG	40%	HSX
33	CMV	30%	HSX
34	CNG	50%	HSX
35	COM	40%	HSX
36	CRC	20%	HSX
37	CRE	40%	HSX
38	CSM	50%	HSX

STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
39	CSV	50%	HSX
40	CTD	40%	HSX
41	CTF	30%	HSX
42	CTG	50%	HSX
43	CTI	40%	HSX
44	CTS	50%	HSX
45	CVT	40%	HSX
46	D2D	50%	HSX
47	DAT	30%	HSX
48	DCM	50%	HSX
49	DGW	50%	HSX
50	DHA	50%	HSX
51	DHC	45%	HSX
52	DHG	50%	HSX
53	DHM	30%	HSX
54	DIG	50%	HSX
55	DLG	30%	HSX
56	DMC	50%	HSX
57	DPG	20%	HSX
58	DPM	50%	HSX
59	DPR	40%	HSX
60	DRC	50%	HSX
61	DRH	30%	HSX
62	DRL	30%	HSX
63	DSN	50%	HSX
64	DTT	30%	HSX
65	DVP	50%	HSX
66	DXG	50%	HSX
67	EMC	30%	HSX
68	EVE	40%	HSX
69	EVG	50%	HSX
70	FCM	40%	HSX
71	FCN	50%	HSX
72	FIT	50%	HSX
73	FLC	50%	HSX
74	FMC	40%	HSX
75	FPT	50%	HSX
76	FTS	50%	HSX
77	GAS	50%	HSX
78	GDT	40%	HSX
79	GEX	50%	HSX
80	GMC	50%	HSX
81	GMD	50%	HSX
82	GSP	40%	HSX
83	GTA	35%	HSX

STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
84	GTN	45%	HSX
85	HAH	50%	HSX
86	HAP	40%	HSX
87	HAR	40%	HSX
88	HAX	35%	HSX
89	HBC	50%	HSX
90	HCD	50%	HSX
91	HCM	50%	HSX
92	HDB	50%	HSX
93	HDC	40%	HSX
94	HHS	50%	HSX
95	HII	50%	HSX
96	HMC	30%	HSX
97	HOT	30%	HSX
98	HPG	50%	HSX
99	HQC	50%	HSX
100	HRC	35%	HSX
101	HSG	50%	HSX
102	HSL	20%	HSX
103	HT1	40%	HSX
104	HTI	40%	HSX
105	HTL	40%	HSX
106	HTV	45%	HSX
107	HU1	50%	HSX
108	HU3	50%	HSX
109	IBC	30%	HSX
110	IDI	40%	HSX
111	IJC	50%	HSX
112	IMP	50%	HSX
113	ITA	50%	HSX
114	ITD	40%	HSX
115	KBC	50%	HSX
116	KDH	40%	HSX
117	KMR	50%	HSX
118	KSB	45%	HSX
119	L10	40%	HSX
120	LBM	40%	HSX
121	LCG	45%	HSX
122	LDG	50%	HSX
123	LGC	40%	HSX
124	LGL	40%	HSX
125	LHG	45%	HSX
126	LIX	40%	HSX
127	LM8	40%	HSX
128	MBB	50%	HSX

STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
129	MDG	35%	HSX
130	MHC	40%	HSX
131	MSN	50%	HSX
132	MWG	50%	HSX
133	NAF	40%	HSX
134	NBB	40%	HSX
135	NKG	50%	HSX
136	NLG	50%	HSX
137	NNC	50%	HSX
138	NSC	50%	HSX
139	NT2	50%	HSX
140	NTL	50%	HSX
141	NVL	50%	HSX
142	OPC	50%	HSX
143	PAC	50%	HSX
144	PAN	50%	HSX
145	PC1	45%	HSX
146	PDN	45%	HSX
147	PDR	40%	HSX
148	PET	50%	HSX
149	PGC	50%	HSX
150	PGD	50%	HSX
151	PGI	45%	HSX
152	PHR	50%	HSX
153	PJT	40%	HSX
154	PME	50%	HSX
155	PNJ	50%	HSX
156	PPC	50%	HSX
157	PTB	45%	HSX
158	PVT	50%	HSX
159	RAL	50%	HSX
160	REE	50%	HSX
161	ROS	25%	HSX
162	S4A	50%	HSX
163	SAB	50%	HSX
164	SAM	50%	HSX
165	SBA	40%	HSX
166	SBT	50%	HSX
167	SC5	40%	HSX
168	SCR	50%	HSX
169	SFG	45%	HSX
170	SFI	40%	HSX
171	SHA	40%	HSX
172	SHI	40%	HSX
173	SHP	35%	HSX

STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
174	SJD	40%	HSX
175	SJF	50%	HSX
176	SJS	40%	HSX
177	SMA	30%	HSX
178	SMC	40%	HSX
179	SPM	30%	HSX
180	SRC	45%	HSX
181	SSC	35%	HSX
182	SSI	50%	HSX
183	ST8	30%	HSX
184	STB	50%	HSX
185	STG	35%	HSX
186	STK	30%	HSX
187	SVC	40%	HSX
188	SVI	35%	HSX
189	SVT	30%	HSX
190	SZL	45%	HSX
191	TAC	40%	HSX
192	TBC	30%	HSX
193	TCB	30%	HSX
194	TCD	30%	HSX
195	TCH	50%	HSX
196	TCL	50%	HSX
197	TCM	50%	HSX
198	TCO	30%	HSX
199	TCT	45%	HSX
200	TDG	50%	HSX
201	TDH	50%	HSX
202	TDW	35%	HSX
203	TEG	40%	HSX
204	THG	45%	HSX
205	THI	50%	HSX
206	TIP	40%	HSX
207	TIX	35%	HSX
208	TLD	30%	HSX
209	TLG	45%	HSX
210	TLH	45%	HSX
211	TMP	40%	HSX
212	TMS	40%	HSX
213	TNA	45%	HSX
214	TNC	40%	HSX
215	TNI	30%	HSX
216	TPB	50%	HSX
217	TPC	35%	HSX
218	TRC	40%	HSX

STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
219	TTB	40%	HSX
220	TV2	45%	HSX
221	TVS	50%	HSX
222	TYA	30%	HSX
223	UIC	45%	HSX
224	VAF	35%	HSX
225	VCB	50%	HSX
226	VCF	40%	HSX
227	VCI	50%	HSX
228	VDS	50%	HSX
229	VFG	45%	HSX
230	VGC	50%	HSX
231	VHC	50%	HSX
232	VHM	50%	HSX
233	VIC	50%	HSX
234	VID	50%	HSX
235	VJC	50%	HSX
236	VMD	45%	HSX
237	VND	50%	HSX
238	VNE	50%	HSX
239	VNG	35%	HSX
240	VNM	50%	HSX
241	VNS	45%	HSX
242	VPB	50%	HSX
243	VPG	20%	HSX
244	VPH	45%	HSX
245	VPI	30%	HSX
246	VPS	45%	HSX
247	VRC	40%	HSX
248	VRE	50%	HSX
249	VSC	50%	HSX
250	VSI	35%	HSX
251	VTB	40%	HSX
252	VTO	45%	HSX
253	ACB	50%	HNX
254	ADC	30%	HNX
255	ALT	30%	HNX
256	AME	30%	HNX
257	ARM	30%	HNX
258	BAX	50%	HNX
259	BBS	30%	HNX
260	BDB	20%	HNX
261	BPC	50%	HNX
262	BSC	25%	HNX
263	BST	20%	HNX

STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
264	BTS	40%	HNX
265	BVS	50%	HNX
266	BXH	25%	HNX
267	C69	50%	HNX
268	CAP	40%	HNX
269	CEO	50%	HNX
270	CIA	30%	HNX
271	CLH	40%	HNX
272	CLM	30%	HNX
273	CPC	40%	HNX
274	CSC	50%	HNX
275	CTB	20%	HNX
276	CTT	50%	HNX
277	CX8	20%	HNX
278	D11	30%	HNX
279	DAD	50%	HNX
280	DAE	40%	HNX
281	DBT	40%	HNX
282	DC4	30%	HNX
283	DGC	50%	HNX
284	DHP	40%	HNX
285	DHT	45%	HNX
286	DID	30%	HNX
287	DNC	40%	HNX
288	DNP	35%	HNX
289	DPC	30%	HNX
290	DS3	20%	HNX
291	DXP	40%	HNX
292	EBS	40%	HNX
293	ECI	30%	HNX
294	GLT	50%	HNX
295	GMX	30%	HNX
296	HAD	40%	HNX
297	HBS	30%	HNX
298	HCC	30%	HNX
299	HDA	50%	HNX
300	HEV	30%	HNX
301	HHC	50%	HNX
302	HHG	30%	HNX
303	HJS	40%	HNX
304	HLC	30%	HNX
305	HLD	45%	HNX
306	HMH	50%	HNX
307	HOM	40%	HNX
308	HST	30%	HNX

STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
309	HTC	35%	HNX
310	HTP	40%	HNX
311	IDV	50%	HNX
312	INC	30%	HNX
313	INN	40%	HNX
314	ITQ	35%	HNX
315	KLF	50%	HNX
316	KMT	35%	HNX
317	KST	40%	HNX
318	KTS	40%	HNX
319	KVC	35%	HNX
320	L14	40%	HNX
321	L18	40%	HNX
322	L62	35%	HNX
323	LAS	50%	HNX
324	LBE	30%	HNX
325	LCD	30%	HNX
326	LHC	45%	HNX
327	LIG	35%	HNX
328	MAC	40%	HNX
329	MAS	50%	HNX
330	MBG	50%	HNX
331	MBS	50%	HNX
332	MCC	35%	HNX
333	MCF	40%	HNX
334	MCO	30%	HNX
335	MDC	35%	HNX
336	MST	35%	HNX
337	NAG	40%	HNX
338	NBC	35%	HNX
339	NBP	30%	HNX
340	NDN	50%	HNX
341	NET	50%	HNX
342	NFC	40%	HNX
343	NHA	50%	HNX
344	NHC	35%	HNX
345	NSH	30%	HNX
346	NTP	50%	HNX
347	NVB	50%	HNX
348	ONE	50%	HNX
349	PBP	50%	HNX
350	PCE	35%	HNX
351	PDB	40%	HNX
352	PGS	50%	HNX
353	PIC	50%	HNX



STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
354	PJC	40%	HNX
355	PLC	50%	HNX
356	PMB	35%	HNX
357	PMC	50%	HNX
358	PMS	35%	HNX
359	POT	30%	HNX
360	PPP	30%	HNX
361	PPS	30%	HNX
362	PPY	30%	HNX
363	PSC	30%	HNX
364	PSD	35%	HNX
365	PSE	30%	HNX
366	PSW	30%	HNX
367	PTI	40%	HNX
368	PTS	40%	HNX
369	PVG	50%	HNX
370	PVI	50%	HNX
371	PVS	50%	HNX
372	QTC	35%	HNX
373	RCL	45%	HNX
374	S55	35%	HNX
375	SAF	40%	HNX
376	SCI	30%	HNX
377	SD4	40%	HNX
378	SD5	40%	HNX
379	SD9	45%	HNX
380	SDC	30%	HNX
381	SDG	35%	HNX
382	SDN	35%	HNX
383	SDT	45%	HNX
384	SEB	35%	HNX
385	SED	50%	HNX
386	SFN	30%	HNX
387	SGC	30%	HNX
388	SGD	30%	HNX
389	SGH	30%	HNX
390	SHB	50%	HNX
391	SHN	40%	HNX
392	SHS	50%	HNX
393	SJ1	30%	HNX
394	SJE	50%	HNX
395	SLS	30%	HNX
396	SMN	30%	HNX
397	STC	30%	HNX
398	TA9	35%	HNX

STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
399	TBX	30%	HNX
400	TC6	35%	HNX
401	TCS	30%	HNX
402	TDN	30%	HNX
403	TET	50%	HNX
404	THS	30%	HNX
405	THT	30%	HNX
406	TIG	35%	HNX
407	TKU	35%	HNX
408	TMC	35%	HNX
409	TMX	30%	HNX
410	TNG	45%	HNX
411	TSB	35%	HNX
412	TTC	35%	HNX
413	TTH	40%	HNX
414	TTT	50%	HNX
415	TV3	35%	HNX
416	TV4	35%	HNX
417	TVC	35%	HNX
418	TVD	30%	HNX
419	VBC	40%	HNX
420	VC1	35%	HNX
421	VC3	40%	HNX
422	VC6	30%	HNX
423	VC7	35%	HNX
424	VCC	35%	HNX
425	VCG	50%	HNX
426	VCM	35%	HNX
427	VCS	45%	HNX
428	VDL	35%	HNX
429	VE3	30%	HNX
430	VE4	30%	HNX
431	VGS	50%	HNX
432	VHL	45%	HNX
433	VIT	45%	HNX
434	VIX	45%	HNX
435	VMC	35%	HNX
436	VMS	35%	HNX
437	VNC	45%	HNX
438	VNR	50%	HNX
439	VNT	40%	HNX
440	VSA	45%	HNX
441	VTV	45%	HNX
442	WCS	40%	HNX

**QUY ĐỊNH VỀ GIAO DỊCH KÝ QUỸ**

Ngày áp dụng: Từ 03/11/2017

STT	Chỉ tiêu	Quy định tại HFT
<b>Khoản vay và lãi suất</b>		
1	Thời hạn khoản vay	Tối đa 90 ngày
2	Gia hạn khoản vay	Tối đa 01 lần
3	Lãi suất cho vay	9%/năm hay 0.025%/ngày
<b>Tài sản đảm bảo</b>		
4	Danh mục tài sản đảm bảo	Tiền mặt, Tiền bán chờ về
		Chứng khoán ký quỹ trên tài khoản và chờ về
5	Giá trị định giá quyền, cổ tức, cổ phiếu thường	Bằng 0
<b>Các tỷ lệ quản trị rủi ro</b>		
6	Tỷ lệ ký quỹ ban đầu	Tối thiểu 50%
7	Tỷ lệ ký quỹ duy trì	40%
8	Tỷ lệ cảnh báo	35%
9	Tỷ lệ giải chấp	30%
<b>Rút tiền trên tài khoản ký quỹ</b>		
10	Tỷ lệ ký quỹ khi rút tiền	Đảm bảo tỷ lệ ký quỹ ban đầu

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN  
**HFT**  
Đ. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI



**Hoàng Như Hải**